

PHÚ LÂU NA

THUYẾT PHÁP ĐỆ NHẤT

1. DANH HIỆU MÃN TỬ TỬ

Làm đệ tử đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tu đạo thoát ly sanh tử cố nhiên là điều khẩn yếu, nhưng việc tuyên dương chân lý, thuyết pháp độ sanh, cũng rất cần thiết.

Một người xả bỏ ràng buộc ân ái của gia đình, quy y đức Thế Tôn, có hoài bão suốt đời theo việc vận động tuyên dương chân lý, đối với thế gian không hề chán nản thối chí, đối với chúng sanh vĩnh viễn từ bi và nhiệt tình, đó là tôn giả Phú-lâu-na, Thuyết pháp đệ nhất.

Đủ sức đảm trách việc tuyên nói giáo lý của đức Phật thật là một công tác to lớn. Vì nói pháp cốt yếu không những là phải khế lý, mà còn phải khế cơ. Phú-lâu-na trong số ngàn vạn đệ tử, được công nhận là thuyết pháp đệ nhất, không phải không có lý do.

Muốn hiểu rõ Phú-lâu-na, trước tiên chúng ta phải nói đến danh hiệu của tôn giả. Danh hiệu ấy rất dài và rất nhiều. Ngài vốn được gọi là "Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử". Phú-lâu-na chỉ là tiếng gọi tắt. Danh hiệu Ngài dài như thế chính là

biểu hiện cho Tôn giả khi thuyết pháp cũng trường mãn vô cùng - Hoài bão vô tận, lòng từ vô tận như núi cao sông rộng, danh xưng của Ngài được dịch là "Mãn Từ Tử" cũng chính là ý đó.

Dung mạo Tôn giả cũng như danh hiệu Mãn Từ Tử, mặt tròn, mắt đầy vẻ từ hòa khoan dung an lành.

2. QUẢ VỊ SAU KHI XUẤT GIA

Gia đình của Tôn giả khá đầy đủ, tài sản tuy không phải trù thiên hạ nhưng cũng thuộc hàng giàu có danh tiếng của Ấn Độ. Cha mẹ Ngài rất thương yêu, nhưng Tôn giả biết rằng ân ái, tài bảo thế gian rồi cũng phải đến lúc biệt ly mất mát, điều cần yếu nhất của đời người là cầu được chân lý pháp tài vĩnh viễn. Do đó, Tôn giả cắt ái từ thân, quy y với Phật, phát nguyện suốt đời xiển dương chân lý.

Xuất gia không bao lâu, Phú-lâu-na chứng quả A-la-hán. Đó là quả vị tối cao trong hàng Thanh văn, phá trừ phiền não, dứt hết sanh tử, vận dụng thần thông, có thể đi các nơi tự tại hành hóa.

3. ĐỨC PHẬT THỌ KÝ

Một hôm trong pháp hội, đức Phật nói rất nhiều về Bốn sự Nhân duyên Túc thế, Phú-lâu-na nghe xong rất cảm động, liền từ tòa đứng dậy, chỉnh đốn ca-sa trên thân, đến trước Phật đánh lễ sát đất, chí thành chiêm ngưỡng từ nhan Thế Tôn. Ngài nghĩ đối với công đức cao vọi của đức Phật dùng lời để xưng tán không cùng tận, nên dùng hai tay vỗ vào

ngực và chắc rằng Thế Tôn sẽ thấu rõ bốn nguyện thâm ý của mình.

Như là dùng tâm ấn tâm, đức Phật hiểu ý Phú-lâu-na, nên nói:

- Phú-lâu-na! Ông tinh tấn tu đạo, không buông lung giải đãi, tùy lúc tùy nơi hỗ trợ ta tuyên dương chân lý, thường ở trong bốn chúng khai thị giáo hóa lợi ích, chúng sanh đều được hoan hỷ. Ông ở trong hàng người thuyết pháp là bậc nhất, qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp sẽ ở tại thế giới này thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai.

Đức Phật thọ ký xong, Phú-lâu-na đạt được pháp hỷ, không thể nói hết được sự cảm kích của Tôn giả, Tôn giả lại trang nghiêm cung kính đánh lễ Phật, đi nhiều bên hữu ba vòng, trở về tòa ngồi, mắt rơi lệ vì cảm động.

Phú-lâu-na tương lai sẽ thành Phật ? Điều ấy khiến chúng Tỳ-kheo vừa vui mừng vừa kinh ngạc. Phú-lâu-na chỉ là một vị A-la-hán không phải Bồ-tát, làm sao lại được đức Phật đích thân thọ ký ?

Đức Phật biết điều ấy bảo đại chúng:

- Các Tỳ-kheo! Các ông có thấy ta vừa thọ ký cho Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử chăng ? Vì ông ấy khéo thuyết pháp, tương lai sẽ ở tại quốc độ này thành Phật hiệu là Pháp Minh.

Các ông cũng nên xưng tán Phú-lâu-na. Ta thường khen ông ấy là bậc nhất trong hạng người thuyết pháp. Ông ấy thâm nhập biển Phật pháp hay làm lợi ích cho tất cả người đồng tu học đạo, trừ đức Phật, không ai có thể biện bác ngôn luận với ông.

Các ông chớ tưởng rằng Phú-lâu-na chỉ giúp ta tuyên thuyết chánh pháp, ông ấy ở thời quá khứ chín mươi ức cõi Phật đều hộ trì trợ tuyên Phật pháp, đều được xưng là Thuyết pháp đệ nhất.

Các ông nên noi gương Phú-lâu-na!

Đức Phật thọ ký cho Phú-lâu-na, giá như đem mũ báu bằng trân châu anh lạc đội cho tôn giả cũng không sánh bằng hân hạnh được thọ ký. Từ đó tôn giả được địa vị là bậc đạo sư trong trời người.

4. CÕI PHẬT VỊ LAI

Phú-lâu-na tương lai thành Phật, chẳng biết tình hình cõi Phật của Tôn giả thế nào, nếu như đủ khả năng, nhân duyên đến thời, sau khi Phú-lâu-na thành Phật, chúng ta cũng nên phát nguyện đến cõi nước Phật ấy mà tu hành.

Đức Phật từ bi biết tâm ý đại chúng, không nệ gì mà bảo cho chúng biết rõ:

- Cõi Phật của Phú-lâu-na, trên cõi đất không có núi sông khe gò, không có đá sỏi gai góc, những lầu các cung điện cao vút tầng mây, trên đất trải toàn các báu vàng bạc.

Cõi ấy không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không có người nữ, không nghe nói về dâm dục, loài người đều do biến hóa sanh, phi hành tự tại, không chấp ngã và ngã sở, cũng chẳng có đao binh. Mọi người đều được đầy đủ tiện nghi và nhu cầu.

Cõi Phật của Phú-lâu-na, không phân chia chủng tộc, không phân biệt mạnh yếu, không oán thù, không có kẻ

ngịch, không có trộm cướp giành giật, xâm chiếm. Mọi người tôn kính lẫn nhau, ca ngợi lẫn nhau.

Lúc ấy không còn gọi là thế giới Ta-bà mà là một cõi thiện tịch, giống như cõi Cực Lạc phương Tây của Phật A-di-đà!

Lời Phật dạy hoàn toàn chân thật, từ xưa đến nay lời của Ngài không hề hư dối. Phú-lâu-na dùng sự nghiệp thuyết pháp để trang nghiêm cõi tịnh của mình. Điều ấy là một khích lệ lớn lao và thích hợp đối với người đã vì Phật tuyên hóa chân lý.

5. NGƯỜI CAN GIÁN TRONG HÀNG TỶ KHEO

Phú-lâu-na đối với việc hoằng pháp rất nhiệt tình, không tham cầu danh dự lợi dưỡng. Ngài biết rõ nhân gian như hoa đốm trong không, bóng trăng đáy nước, chính là Ngài gấp giải quyết cho xong việc sanh tử, quảng độ chúng sanh là việc lớn, là đạo tràng tối hảo.

Phú-lâu-na không ưa người bề ngoài mặc ca-sa xưng đệ tử Phật, mà trên thực tế làm việc gì đều toàn vì mình, không vì Phật pháp.

Oai đức từ bi của Phật cảm đến các quốc vương trên toàn Ấn Độ. Các vua sau khi quy y Phật bèn ban sắc lệnh rằng: Hễ người nào phạm trọng tội đáng chết, chỉ cần xuất gia làm đệ tử Phật, gia nhập Tăng đoàn liền được đại xá. Tuy Phật biết điều ấy sẽ khiến Tăng đoàn thanh tịnh thành nơi rấn rỗng hỗn tạp, nhưng lòng từ của Ngài như biển lớn dung

nap mọi con sông, không nỡ nhìn tội phạm mà không cứu, vì vậy Ngài trở lại khen ngợi chính sách nhân từ của các quốc vương.

Và như thế trong Tăng đoàn cũng có lắm người bê bối, mượn cửa Phật để tham cầu danh lợi, thậm chí còn làm việc tà vạy mua bán Như Lai.

Phú-lâu-na thấy bọn Tỳ-kheo trên danh nghĩa ấy thường bảo thẳng họ rằng:

- Các vị! Các vị không nên làm những việc trái với lời dạy của Phật, không nên một mặt khuyên người bố thí mà tự mình ưa chứa cất tiền của vàng bạc, nói với người ngu dục là nguy ách, là tai hại cho thân tâm, mà tự mình ưa đắm chìm, an trụ trong ngu dục. Chúng ta được gặp bậc thầy là đấng Thế Tôn cứu thế thật là nhân duyên ngàn đời khó gặp. Phạm làm việc gì, không thể trái lời giáo huấn của Phật, đừng phạm giới điều Phật đã quy định. Điều quan trọng cần yếu là đừng để mọi người thấy được mất lòng tin.

Các vị xuất gia học đạo, đó là đức Phật từ bi cho các vị cơ hội sám hối diệt tội, mà các vị không vì sự trong sáng của giáo pháp, không yêu thích Tăng đoàn, không nhiệt tình trong việc hoằng hóa lợi sanh, tuy một thời đức Phật từ bi nhiếp thọ các vị nhưng về sau đối với tương lai các ông sẽ không tốt đẹp.

Phật thường dạy, làm người không sợ có lỗi, có lỗi mà biết sửa đổi đó là người đại thiện. Trong Tăng đoàn, làm một kẻ lợc **đục** thường tình không can chi, nhưng rất dễ tệ là làm người ích kỷ, không đoái hoài đến lời Phật dạy, không màng

đến đại chúng mà tự tung tự tác.

Tôi và các vị đồng học một thầy, tôi có nói lời gì dù quý vị đánh mắng cũng không sao, chỉ mong Phật pháp hưng long, chúng sanh được độ. Hy vọng rằng từ nay về sau, chúng ta chân chánh phát tâm tu học Phật pháp, y giáo phụng hành.

Những lời trung thực của Phú-lâu-na đối với các Tỳ-kheo bất chính khiến họ rất cảm động. Đối với người, Phú-lâu-na không ưa bởi lông tìm vết, khiến người phiền não, mà chính là muốn trừ bỏ những danh lợi cá nhân, để nỗ lực làm cho giáo pháp được lợi ích, được rạng rỡ.

Đức Phật biết Phú-lâu-na thường vì người nên khen ngợi Tôn giả làm người chỉ đạo, người can gián trong các hàng Tỳ-kheo đồng học.

6. MUỐN ĐEM PHẬT PHÁP PHỔ BIẾN TRONG DÂN GIAN

Phú-lâu-na làm việc rất điềm tĩnh, thận trọng đối với chúng Tăng và việc của đại chúng, Tôn giả suy nghĩ đôi ba phen mới phát biểu ý kiến. Chỉ đối với việc hoằng pháp là luôn luôn nhiệt tình, mỗi khi có cơ hội gieo chủng tử Bồ Đề, thì không kể lợi hại đắc thất về cá nhân, luôn luôn tinh tấn đi đầu.

Trong hàng đệ tử Phật, người hỗ trợ Phật thuyết pháp độ sanh rất nhiều, nhưng tự mình không cầu danh lợi, không sợ nguy nan thất bại, thủy chung vì xã hội nhân quần mà bố giáo, rất ít người sánh kịp ngài Phú-lâu-na. Có một số Tỳ-

kheo, tuy theo Phật học bưng đầy kinh sách, nhưng đối với chúng sanh không đủ bi tâm nhiệt tình, xem nổi khổ sanh tử của kẻ khác không dính dáng gì đến mình, khép kín thân mình trong tháp ngà. Lại có số Tỳ-kheo không ưa hoằng pháp lợi sanh mà ưa phan duyên ngoài xã hội, không dùng đạo tiếp độ mà dùng tình giao thiệp, nhận thức sai lầm. Phú-lâu-na đối với những hạng người này không đồng ý chút nào.

Một hôm trên đường hoằng hóa, Phú-lâu-na đi ngang vùng rừng núi nước Kiều-tát-di. Nơi này có một số Tỳ-kheo đạo học đang ẩn cư tu hành. Phú-lâu-na thấy các vị ấy bèn rất cung kính hỏi thăm:

- Các Đại đức! Tôi nghe nói các vị ẩn cư trong núi rừng, đối với nhân cách thanh cao không giống phàm tình ấy tôi rất kính phục. Nhưng các vị vâng lời Phật dạy làm sứ giả đi các nơi giáo hóa sao không vào làng xóm mà độ chúng sanh ?

Các Tỳ-kheo thấy Tôn giả đến rất vui mừng nhường tòa và đáp:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi cũng đã đi các nơi giáo hóa, nhưng chúng sanh thật khó hóa độ. Đức Phật dạy đem cam lồ pháp thủy ban cho họ, họ trở lại cho đó là một thứ hôi hám khó nghe. Bọn chúng ngu si cang cường, ngoan cố chấp trước, đắm chìm trong ngũ dục, sát sanh tế thần cầu phước, thật là tạo nhân ác đạo. Chúng tôi từ bi đưa tay tế độ mà chúng chẳng thềm ngó ngang tới. Tôn giả! Đạo lớn của chân lý không phải ai ai cũng theo được, thế giới tràn đầy ánh sáng, chẳng phải ai cũng có thể đến được, bởi do họ đã chối bỏ. Hãy để cho họ chịu khổ hết mức rồi khi nhơn duyên chín

muối sẽ tự nhiên quày đầu.

Phú-lâu-na nghe xong, biết các vị này khi hoằng pháp đã gặp thất bại, gặp ma chướng cản trở, nên đối với chúng sanh thất chí nản lòng, không thể khởi nhiệt tình bố giáo. Tôn giả nói:

- Hành vi tu đạo của các vị tôi rất khâm phục, nhưng ý kiến của các vị về việc hoằng pháp tôi không đồng ý. Nếu Phật pháp dễ truyền, chúng sanh dễ độ chúng ta đã không theo đuổi công tác ấy. Chính vì đời ngũ trược ác thế, việc hoằng pháp lợi sanh rất khó khăn cực nhọc, vì muốn báo đáp ân Phật, chúng ta mới hăng hái theo đuổi sự nghiệp cao quý đó.

Hoằng pháp là gia vụ, lợi sanh là sự nghiệp, chúng ta xuất gia làm đệ tử Phật, không nên xem Tăng đoàn là một nơi ty nạn, hoặc là viện dưỡng lão, đã là Tỳ-kheo chỉ cần lo phận sự cho tròn còn chuyện thế gian nên dẹp một bên. Phật pháp chưa truyền, chúng sanh chưa độ mà cho là không dính líu đến mình thật là trái lời dạy của Phật. Lòng từ nguyện bi của ngài chắc chắn không hoan hỷ đối với tác phong ấy.

Chúng sanh khó tiếp nhận Phật pháp là vì chúng rất nghèo cùng khổ, người nghèo chỉ mong xin được vài đồng bạc là quý. Chúng ta đem gia tài Phật pháp cả ỨC VẠN mà cho không họ, bảo sao họ không nghi ngờ lòng tốt của chúng ta ? Làm sao họ dám nhận lãnh tài bảo trân quý đó ?

Chúng ta mang tấm lòng từ bi vô hạn, mang nhiệt tình sung mãn, để trang nghiêm thân tứ đại vô thường của chúng ta, trang nghiêm tịnh độ của chính mình, đem pháp lạc hoan

hỷ ban khắp mọi người, đem ánh sáng trí huệ, từ bi, oai đức của Phật-đà chia đều tất cả chúng sanh cùng hưởng. Đó là trách nhiệm của hàng xuất gia, không cho phép chúng ta an nhàn trốn tránh, từ chối.

Các vị! Phật pháp tại nước Bạt-đà chưa xương long, mong rằng các vị cùng với tôi đến đó hoàng hóa.

Các Tỳ-kheo nghe xong, rất cảm động trước lời chí tình của Phú-lâu-na, các vị đều nguyện theo Tôn giả sang nước Bạt-đà.

Phú-lâu-na thường cổ động phát khởi cho các Tỳ-kheo lười nhác, ưa mưu cầu an nhàn, để mong Phật pháp lưu bố khắp nhân gian. Do đó, đức Phật cũng thường khen ngợi giữa đại chúng, Phú-lâu-na là người khích lệ, vận động trong hàng Tỳ-kheo.

7. THÁI ĐỘ HOÀNG HÓA

Phú-lâu-na một bát xin cơm ngàn nhà, đi các nơi hoàng hóa, ngàn núi muôn sông, muôn sông ngàn núi cũng đều giữ một mức sinh hoạt, giữ một lối sống đúng như hoạch định. Biết bao người nhờ sự giới thiệu của Tôn giả, đã biết đến đức Phật, đã tiếp thọ được chân lý từ bi.

Khi thì Tôn giả ở nước Ma-kiệt-đà, lúc ở nước Kiều-tát-di-la, hôm nay hóa đạo nơi thành Tỳ-xá-ly, ngày mai lại đến thành Ca-thi thuyết pháp. Tôn giả đã vận động nhiều người tin tưởng Phật pháp, quy y với đức Thế Tôn, trong Tăng đoàn chẳng ai sánh bằng. Chúng sanh nào ngoan cố, kiên cường nghe Tôn giả thuyết pháp đều bỏ tâm cuồng

vọng mà tiếp thọ sự tịnh hóa của Phật pháp. Ngài có sức mạnh nào ? Chúng ta chẳng biết. Một hôm, vài Tỳ-kheo cùng đàm đạo với Phú-lâu-na, đã hỏi:

- Tôn giả! Ngài đi hóa độ nơi nào liền khiến từ một chỗ cỏ rậm hoang vu thành một vùng thánh địa trang nghiêm, lại có nhiều thính giả nhờ ảnh hưởng pháp âm của Ngài mà được an ổn, tĩnh lặng, thành khẩn. Trừ đức Phật, không ai thuyết pháp thành công như Tôn giả. Ngài làm sao được oai đức như thế ?

Phú-lâu-na khiêm tốn đáp:

- Tôi cũng chẳng biết tôi có sức gì, tôi chỉ biết một điều đức Phật là vị Đạo sư. Trước mỗi lần thuyết pháp tôi luôn luôn hướng về đức Phật cầu nguyện, cầu nguyện từ quang của Thế Tôn che chở nhiếp hộ tôi, hỗ trợ tôi hoàn thành sự nghiệp tịnh hóa nhơn gian. Tôi không cần mọi người biết đến Phú-lâu-na, tôi chỉ mong ai ai cũng biết đức Đại giác Phật-đà. Nhỏ bé như tôi đâu có sức gì khiến người cảm động. Cảm động đến người chính là đức Thế Tôn, chính là giáo thị chân lý của Ngài.

Lời nói thành thật của Phú-lâu-na, mọi danh dự đều dành cho đức Phật. Các Tỳ-kheo nghe xong ai cũng gật đầu khen phải, lại hỏi tiếp:

- Tôn giả! Nếp sống bố giáo hoằng hóa của Ngài rất kham khổ, Ngài đã chẳng chịu nghỉ ngơi, cũng chẳng xin thực phẩm bồi dưỡng thân thể, ngoài thời thuyết pháp Ngài lại đi kinh hành rồi tĩnh tọa, khổ nhọc đến thế làm sao chịu được lâu dài ?

- Đa tạ các vị lưu tâm đến tôi. Chúng ta làm được chút ít cho Phật pháp đã cho là khổ nhọc, như đức Thế Tôn từ nhiều kiếp lâu xa đã tu hành, độ sanh, ngày ăn một hột mè, hột bắp, bố thí đầu, mắt, tủy não, thì chẳng biết nói ra sao đây ?

Sau những lúc thuyết pháp cho chúng sanh, tôi liền trở về bên đức Phật nghe lời Phật dạy, nếm mùi vị cam lồ, đó là thức bổ dưỡng tối hảo cho huệ mạng của tôi. Tôi hành cước vân du các nơi, một ngọn cỏ, cội cây đều dưỡng như khiến tôi mỉm cười, ngọn núi con sông đều là niềm an ủi. Ánh sáng của đức Thế Tôn thấm nhuần trên thân tôi, tâm Phật sống trong tâm tôi, tôi chẳng biết khổ nhọc là gì. Các vị, lúc tôi thấy ngàn vạn người quy hướng Phật-đà, chấp tay đánh lễ, tôi bất giác cảm động đến rơi lệ. Tôi cũng hướng về phía Phật chấp tay đánh lễ. Tôi cầu nguyện đức Phật nhiếp thọ những người ấy, ban cho họ lòng tin và sức mạnh!

Các Tỳ-kheo nghe xong đều sanh lòng khâm phục, chấp tay khen ngợi.

8. QUÊ HƯƠNG KHẮP NƠI

Tôn giả Phú-lâu-na đi hành khước như mây bay gió cuốn, không có nơi chốn nhất định. Ban ngày ở đại lộ, đường hẻm, đất trống tùy duyên thuyết pháp, chiều đến thì riêng mình tựa thiền nơi núi non, rừng cây hoặc là bờ suối.

Tôn giả không trụ nơi nào cố định, đến đâu cũng xem là gia hương. Có khi, vì muốn Phật pháp thường trụ, Ngài cũng vận động kiến tạo tinh xá, giảng đường, nhưng khi xây

cất xong Ngài chưa từng xem đó là tài sản tư hữu của mình. Thỉnh một vị tài đức trụ trì và Ngài lại lên đường đi nơi khác.

Phú-lâu-na không cất chứa vàng bạc, ngoài ba y bình bát, không đem theo món gì bên mình. Chúng ta không thể căn cứ trên sự biểu thị của vật chất, Phú-lâu-na không cần sự biểu thị ấy, Ngài cũng có vô lượng công đức trí huệ pháp tài. Biết bao nhiêu chúng sanh nhờ lãnh được pháp tài ấy mà trở nên giàu có một đời, thành tựu được sự nghiệp sinh mệnh hằng cửu.

Phú-lâu-na không hề lưu ý đắn đo về sự ăn mặc. Ngoài ba y hoại sắc, Tôn giả không đắp y gấm vóc sang trọng, bình bát hóa duyên không phân nghèo giàu, không chọn ngon dở, chỉ vừa đủ no là tốt thôi. Tôn giả không nghĩ đến việc chọn thức ăn bổ dưỡng làm gì, đối với Ngài thực phẩm bổ dưỡng nhất là cam lồ của đức Phật.

Một hôm, khi Phú-lâu-na hành cước nơi thành Câu-lợi, trên đường gặp một người đồng hương. Người ấy làm lễ Tôn giả và thăm hỏi:

- Tôn giả! Tôi nghe nói Ngài mỗi ngày vân du hành cước, bốn ba mọi nơi như thế này, chẳng biết Ngài bận rộn chuyện gì ? Từ khi Ngài xuất gia tôi chưa thấy Ngài trở về quê thăm bà con, chúng tôi đều mong nhớ ngài. Ngài xuất gia đã lâu, mà chẳng có một mảnh ruộng vườn trang trại, chẳng có chút gia tài nào, vì đâu Ngài nghèo nàn đến vậy ? Bao giờ Ngài mới trở về nhà ?

Phú-lâu-na cũng rất lễ phép đáp:

- Đa tạ! Đa tạ! Hôm nay gặp ông thật cao hứng. Ông

hỏi tôi mỗi ngày bận rộn điều gì ư ? Tôi xin nói, mỗi ngày tôi bận lo cho chúng sanh lìa khổ được vui. Đến nơi nào cũng là cố hương của tôi, cũng là thân quyến. Hiện tại, tôi là đệ tử đức Đại thánh Phật-đà, ruộng vườn huyễn hóa, gia đình tài sản vô thường, tôi chẳng thể nô lệ những thứ ấy, tôi không thích bị mấy thứ hư dối ấy ràng buộc. Tôi thích đi hành khước, hoằng pháp mọi nơi. Tôi làm sứ giả cho chân lý, tôi vì chúng sanh chỉ dẫn con đường đến chánh giác. Xin ông vì tôi trở về cảm ơn những ai lo lắng cho tôi. Phú-lâu-na này cũng sẽ giúp ích các ông, đến lúc cần về quê tôi sẽ trở về.

- Tôn giả! Xa cách lâu năm tôi không ngờ rằng sau khi theo Phật xuất gia, Ngài vẫn còn tích cực như thế, vẫn còn nhiệt tình đầy tràn. Ngài hoàn toàn quên mình mà vì mọi người, tôi thật khâm phục hết sức! Khi Ngài trở về cố hương nhất định tôi sẽ rất hoan nghênh. Hoan nghênh Ngài đem ánh sáng của đức Phật về cho quê hương chúng ta.

- Đa tạ! Tôi sẽ y nguyện vọng của ông!

Phú-lâu-na nói rồi vội vã đi nơi khác gieo hạt giống Bồ-đề.

9. PHƯƠNG PHÁP BỔ GIÁO

Phú-lâu-na thuyết pháp đệ nhất là một nhà truyền giáo vĩ đại, khéo sử dụng những phương pháp thí giáo của đức Phật như: phương tiện thuyết pháp, tùy bệnh cho thuốc, xem căn cơ dạy dỗ, sự lý viên dung. Có thể nói Tôn giả đã được môn tam-muội thuyết pháp của đức Phật.

Tôn giả biết rằng thuyết pháp là hoàn toàn vì chúng

sanh chớ không phải vì mình, nói pháp là để cho chúng sanh nghe chớ không để cho mình nghe. Đạo lý cao sâu nhiệm mầu chỉ có số ít người lãnh hội, ở trước đại chúng Tôn giả chỉ nói những đạo lý đơn sơ dễ tiếp nhận.

Gặp hạng người nào nên nói giáo pháp nào, đó là sở trường của Phú-lâu-na.

Khi Tôn giả gặp thầy thuốc, liền nói:

- Các ông làm thầy thuốc có thể tạm trị lành những bệnh khổ về thân, còn căn bệnh lớn tham, sân, si trong tâm người các ông có phương chi trị liệu chăng ?

- Tôn giả! Y sĩ chỉ có thể trị bệnh đau đầu, đau bụng, đau chân, không trị được bệnh khổ trong tâm. Ngài có biện pháp gì không ?

- Có – Phú-lâu-na khẳng định – Giáo pháp của đức Phật như giọt nước cam lồ có thể rửa sạch cấu uế trong tâm chúng sanh. Giới, định, huệ tam học như liều thuốc vạn linh, có thể trị lành tâm bệnh tham, sân, si.

Gặp thầy thuốc thì nói như vậy, còn gặp quan chức, Phú-lâu-na lại hỏi:

- Các ông làm quan, có thể trị tội phạm nhưng các ông có cách gì trị người vô tội chăng ?

- Tuy là quốc pháp, nhưng cũng chẳng thể trị phạt người vô tội.

- Ngoài quốc pháp các ông và tất cả dân chúng nên phụng hành Phật pháp. Đạo lý của Ngũ giới Thập thiện, pháp tắc nhân quả luân hồi, nếu ai giữ đúng sẽ không hề phạm tội.

Phú-lâu-na khéo thuyết pháp như thế, không kể là y sĩ, quan chức đều theo đó mà quy y Tam Bảo, tín ngưỡng đức Phật.

Một hôm, Phú-lâu-na đi ngang thôn xóm nọ, gặp mấy người nông phu đang làm ruộng, bèn hỏi:

- Các ông làm ruộng, trồng những thứ lúa để nuôi thân, tôi sẽ dạy các ông phương pháp canh tác ruộng phước để nuôi dưỡng huệ mạng, chịu không ?

Nông dân đều hỏi:

- Cày ruộng phước nuôi huệ mạng thì phải làm sao ?

- Tin Phật, phụng sự Tam Bảo, cung kính với Sa-môn, chăm sóc người bệnh, nhiệt tâm đối với những việc từ thiện lợi ích chung, hiếu thuận với cha mẹ, với làng xóm nên ẩn điều xấu phôi điều lành, đừng sát hại vô độ. Đó là cách tốt nhất để canh tác phước điền.

Hết thầy nông dân đều chấp tay thưa hỏi, xin lãnh thọ lời dạy của Tôn giả.

Phú-lâu-na không có nơi chốn cố định, thuyết giáo cũng không có phương pháp cố định, khi thì diễn thuyết công khai giữa quần chúng, khi thì đến từng gia đình để phỏng vấn, có khi ngâm vịnh tán ca đức Phật, lúc lại hiện thân thông khiến người phát tâm. Vì vậy giáo pháp của đức Phật rất dễ được chúng sanh lãnh thọ.

10. THUYẾT PHÁP CHO VUA TẦN BÀ SA LA

Nói về Phú-lâu-na từng vận thần thông. Đó là khi vua Tần-bà-sa-la bị A-xà-thế nhốt trong ngục, đức Thế Tôn sai

Phú-lâu-na và Mục-kiền-liên bay vào trong ngục thất thuyết pháp và trao giới Bát quan trai cho nhà vua.

Tần-bà-sa-la là vua nước Ma-kiệt-đà. Trong các vị vua đương thời, nhà vua là người quy y Phật đầu tiên. Về sau vì Đê-bà-đạt-đa xúi giục, thái tử A-xà-thế đem vua nhốt vào ngục tối không cho ăn uống, A-xà-thế bèn lên kế vị.

Nhà vua ở trong ngục bị thái tử cấm chỉ không cho người mang thức ăn. Đối với đứa con ngỗ nghịch ấy, nhà vua cũng cam tâm tự an ủi rằng: Đây là do nhân duyên quá khứ. Càng chịu nguy ách khốn khổ, nhà vua càng nhớ lời Phật dạy: Trời đất, trăng sao, núi Tu-di, biển lớn còn không thể trường tồn, có thành ắt có hoại, có thịnh thì có suy, hợp thì phải tan, sống rồi sẽ chết, hết sướng đến khổ, vui phải có buồn. Trên thế gian chẳng có niềm vui nào vĩnh cửu, chỉ có khổ là miền man không cùng tận.

Tuy nhà vua nghĩ như vậy nhưng cũng không thể hoàn toàn buông bỏ, nghĩ tới mạng sống ngày mai thật là lo âu.

Phú-lâu-na và Mục-kiền-liên bay qua mấy tầng ngục phong tỏa, tối om, đen kịt, không khí nặng nề như mô chôn tử thi, đến phòng giam Tần-bà-sa-la. Phú-lâu-na ngồi kế bên nhà vua nói nhỏ:

- Đại vương! Tôi vâng lời Phật đến đây. Phật dạy tôi nói với đại vương rằng: “Sắc thân này là do nghiệp lực chiêu cảm, rốt cuộc đều chịu khổ báo. Nghiệp quả nên để nó kết liễu. Người tu đạo cần yếu là có thể tiêu diệt nghiệp báo, được giải thoát. Người bị giam trong ngục, bị trói buộc mất tự do. Thật ra, người chưa vào ngục mà bị tiền tài, danh lợi, sắc

đẹp vậy khốn thì cũng giống người đang ở tù. Thế giới Ta-bà đều là một thứ ngục lớn, không kể ngồi tù hay không ngồi tù đều không thoát chết, cho nên cái chết chẳng phải là điều đáng kinh hãi, đang lúc còn sống mà đã hứa hẹn chắc chắn với tử vong, điều đáng sợ là khi chết mà không có chỗ trở về tốt đẹp. Phật dạy, xưng niệm thánh hiệu Phật A-di-đà, phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực lạc ở phương Tây, đó mới là một cõi nước an lành tự do giải thoát.”

Vua Tần-bà-sa-la nghe Tôn giả nói xong trong lòng rất an ổn, thấy được ánh sáng của vấn đề chết sống. Và sau đó nhà vua an tịnh vãng sanh.

Phú-lâu-na đối với việc cứu độ chúng sanh khổ nạn không ai bì kịp, thật là khéo thuyết pháp.

11. TINH THẦN BỐ GIÁO

Phú-lâu-na thuyết pháp độ sanh không cầu sự cung kính, không mong dễ dàng, những nơi khó giáo hóa đến đâu, hẻo lánh đến đâu, Tôn giả cũng nhiệt tâm, mong muốn đến đó truyền bá Phật pháp.

Một hôm, sau mùa an cư, Phú-lâu-na nghĩ đến việc đi hoằng hóa, bèn đến thưa đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài từ bi cho phép con đến nước Du-lô-na bố giáo!

Đức Phật nghe nói rất hoan hỷ. Nhưng đức Phật là một nhà truyền giáo vĩ đại, Ngài biết chuyện ấy không phải dễ, chỉ cần đến một nơi như nước Du-lô-na sẽ biết sự thật, Thế Tôn nói:

- Phú-lâu-na! Việc giáo hóa chúng sanh lợi mình, lợi người, ta rất vui hứa cho chí nguyện của ông. Ông đi giáo hóa các nơi ta đều yên lòng. Nhưng ta bảo ông, bố giáo không nhất định phải đi đến nước Du-lô-na. Tốt nhất ông nên chọn nơi nào khác rồi sẽ ra đi.

- Vì cơ sao ? Thưa Thế Tôn! Hễ nơi nào có chúng sanh đáng độ, chẳng phải đều có thể đến đó dạy dỗ ư ?

Đức Phật giải thích:

- Phú-lâu-na! Du-lô-na là một nước nhỏ hẻo lánh, không có đường giao thông thuận tiện, giáo hóa chẳng được như ý. Dân chúng tánh tình rất hung bạo, đánh chửi thành thói quen, người nước ngoài đến đó dễ bị mất mạng. Hôm nay ông muốn đến nước đó chẳng lẽ ông không sợ nguy hiểm sao?

Nghe Phật nói như vậy, Phú-lâu-na chỉ mỉm cười, biểu lộ chí nguyện cương quyết của mình:

- Thưa Thế Tôn! Ngài từ bi thương tưởng chúng đệ tử, con không thể dùng lời diễn tả mối cảm kích. Con vì cảm động ân ấy mà hoan hỷ nguyện đem thân nhỏ mọn này phụng hiến cho đức Phật, phụng hiến chánh pháp và tất cả chúng sanh. Chính vì Du-lô-na là một nước biên địa hoang dã, trước đây chưa người nào phát tâm giáo hóa, nên con mới nghĩ rằng không đến đó không xong. Đến đó, con cũng biết có tất cả nguy hiểm theo bên mình, nhưng vì muốn tuyên dương chánh pháp thì sự an nguy của một cá nhân bé nhỏ của con không phải là vấn đề cần yếu. Cúi xin đức Thế Tôn từ bi hứa khả, dùng từ quang nhiếp hộ con, cho phép con đi

khai mở một cõi Tịnh độ nhân gian.

Trên gương mặt đức Thế Tôn lộ vẻ an tường rất mực từ bi, Ngài vui thích tinh thần vì pháp quên mình của Phú-lâu-na. Nhưng đức Thế Tôn nhìn hàng đệ tử tả hữu đông nhiều, họ cần phải cụ bị tinh thần của một nhà truyền giáo, nên thân thiết hỏi Phú-lâu-na:

- Phú-lâu-na! Ông nói đúng, làm đệ tử ta bố giáo là việc tu hành trọng yếu thứ nhất, nhưng ta hỏi ông, ông đến nước Du-lô-na, nếu như họ không chấp nhận ông mà lớn tiếng chửi mắng, ông mới làm sao ?

- Bạch Thế Tôn! Họ mắng chửi con, con vẫn thấy họ còn tốt vì họ cũng chưa lỗ mãng đến nỗi dùng roi gậy đánh đập con.

- Nếu như họ dùng nắm tay, gạch ngói, roi gậy đánh đập ông ?

- Con vẫn thấy họ còn tốt, chưa đến nỗi đâm chém con.

- Nếu như họ dùng dao búa như thế ?

- Con cũng cho họ rất tốt, họ cũng còn tình người chưa đến nỗi giết con chết.

- Nếu như họ giết ông chết ?

- Như thế con lại cảm ơn họ, đã giết sắc thân của con, hỗ trợ cho đạo nghiệp của con, giúp con mau vào Niết-bàn, giúp con đem sanh mạng báo đáp ân đức của Thế Tôn. Điều ấy đối với con tuy không có trở ngại, chỉ sợ di hại ảnh hưởng không tốt cho họ thôi.

Đức Phật rất hoan hỷ, khen ngợi Tôn giả:

- Phú-lâu-na! Ông không hổ là đệ tử thứ thiệt. Tu đạo, bố giáo, nhẫn nhục, tâm cảnh của ông rất bình an. Chúng ta sẽ đưa ông lên đường.

Phú-lâu-na được Phật khuyến khích rất cảm động, tâm bố giáo bất thối chuyển càng tăng cường mạnh mẽ. Tôn giả đánh lễ Phật xong, thẳng đến nước Du-lô-na giữa những tiếng hoan nghinh đưa tiễn của chúng Tỳ-kheo.

12. PHẬT SỰ TẠI NƯỚC DU LÔ NA

Phú-lâu-na cáo biệt đức Phật và Tăng đoàn, riêng một mình đi về hướng Đông Bắc, nước Du-lô-na, bước chân mãi miết rồi cũng đến nơi.

Nước Du-lô-na đất xấu dân nghèo, chỗ nào không núi cao thì cũng nước sâu, toàn quốc đã không có đô thị phần hoa, lại rất ít có xóm làng đông đúc, nhân dân chỉ sinh sống bằng nghề săn bắn, ăn lông ở lỗ.

Khi Tôn giả mới đến, chẳng vội giáo hóa thuyết pháp ngay. Trước đó Tôn giả đã học xong ngôn ngữ địa phương Du-lô-na và trong công tác truyền giáo, ngoài ngôn ngữ ra còn phải chuẩn bị nhiều điều kiện.

Nhân dân Du-lô-na đối với tiếng nói của tôn giả không thấy cách biệt, nhưng mọi người thấy Ngài đắp y mang bát đều nhìn với cặp mắt kỳ quái. Tôn giả biết rằng tại một địa phương văn hóa lạc hậu như thế, nếu không dùng phương tiện thì khó mà khai phát lòng tin cho họ. Ngài cũng biết lúc này mà nói chân lý đàm huyền luận diệu thì chẳng có ma nào nghe, chủ yếu trước tiên là phải cải thiện nếp sống của

dân chúng. Hoàng pháp không ra ngoài sinh hoạt của thế gian. Do đó, tạm thời Ngài không cho biết thân phận Sa-môn của mình, chỉ như một ông thầy thuốc mỗi ngày lo thăm bệnh và khám hộ người bệnh.

Phú-lâu-na có nhiều phương thuốc trị bệnh rất đơn giản, không kể xóm làng xa xôi, cho đến phải trèo đèo, vượt suối, hễ nghe tiếng bệnh nhân rên rỉ, Ngài liền lập tức đến nơi không kể ngày đêm, không kể đầu non, cuối biển. Người bệnh thấy Ngài như thấy vị cứu tinh, bệnh nặng đến đâu cũng tiêu nhiên qua khỏi.

Phú-lâu-na lại có tư cách một nhà giáo dục, dạy họ học hành chữ nghĩa rành rẽ. Ban ngày dạy cho cách trồng trọt kịp thời tiết, những phương pháp trị gia, chiều đến nhóm họp mọi người lại giảng dạy về đạo lý nhân quả báo ứng của Ngũ giới, Thập thiện. Chẳng bao lâu, dân nước Du-lô-na đều quy y Phật, và tại đây, Tôn giả thân phục năm trăm đệ tử, thành lập năm trăm ngôi tinh xá.

13. ĐIỀU KIỆN CỦA MỘT NHÀ BỐ GIÁO

Phú-lâu-na theo sự nghiệp hoàng pháp lợi sanh, thường ghi khắc trong tâm lời dạy của đức Phật về mười đức phải có trong công tác bố giáo.

Đó là:

Khéo biết pháp nghĩa.

Có thể giảng thuyết.

Không sợ sệt trước đám đông.

Biện tài vô ngại.

*Nhiều phương tiện khéo.
Tùy theo pháp mà ban bố.
Đầy đủ oai nghi.
Dũng mãnh tinh tấn.
Thân tâm không mệt mỏi.
Thành tựu oai lực.*

Tôn giả tuy thân đi hoằng hóa mọi nơi nhưng tâm luôn luôn ở bên Phật. Mỗi lúc gặp ngày Thánh đản của Phật, hoặc Thế Tôn mở đại hội giảng kinh, dù ở xa ngàn dặm, Tôn giả cũng về bên tòa dự thỉnh pháp âm và thăm viếng thưa hỏi Thế Tôn.

Ngày nọ, Thế Tôn trên pháp tòa nhìn xuống thấy Phú-lâu-na đang cùng chúng đánh lễ, Ngài mỉm cười hỏi:

- Phú-lâu-na! Ông về đấy ư! Đại chúng đều lo lắng cho ông! Ông hóa độ chúng sanh tại nước Du-lô-na thành công chăng? Ông giúp ta tuyên dương chân lý, tinh thần bố giáo, thể chất thanh khiết đều hoàn toàn. Về phương diện tinh thần, ông đã xác định lòng tin vững chắc nơi Tam bảo, ông đã tu dưỡng đầy đủ từ bi, trầm tĩnh, tài trí, dũng cảm, về mặt thể chất ông đã rèn luyện thân thể khỏe mạnh, phẩm hạnh, phong độ, âm thanh, biện tài đều hoàn bị. Phú-lâu-na, ta rất an lòng khi ông đến Du-lô-na bố giáo.

Đức Phật ngưng một chút, lại bảo đại chúng:

- Các Tỳ-kheo! Trong hàng đệ tử ta, được như Phú-lâu-na mới xứng đáng với danh xưng Thuyết Pháp Đệ Nhất, các ông nên noi gương Phú-lâu-na.

Các vị Tỳ-kheo nghe Phật dạy, đều quay về phía Phú-

lâu-na vẫn tấn, đảnh lễ, khen ngợi, chúc mừng. Phú-lâu-na một mặt cảm thấy e ngại, một mặt lại được cổ động tinh thần.

14. KHÁNG NGHỊ VỚI ĐẠI CA DIẾP

Thời gian như nước chảy vô tình, năm tháng theo vô thường luân lưu chuyển biến, xuân hoa thu nguyệt, hạ nóng, đông lạnh, ngày qua ngày, năm qua năm, ứng hóa thân của Thế Tôn trên thế giới Ta-bà dần dần già nua. Đến năm Ngài tám mươi tuổi bèn nhập diệt tại thành Câu-thi-na.

Các đệ tử đều rất bi ai, Phú-lâu-na đi giáo hóa phương xa, nghe tin Phật Niết-bàn, bèn vội vàng dẫn đệ tử về thành Câu-thi-na thọ tang. Về đến nơi, kim thân Thế Tôn đã trà tỳ. Phú-lâu-na ngoài mối thương tâm ấy, còn rất quan tâm đến giáo pháp của Phật, Tôn giả biết rằng giáo pháp chính là Pháp thân Phật.

Biết được các Thượng tọa Tỳ-kheo do ngài Đại Ca-diếp lãnh đạo, đã chủ xướng cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất tại Kỳ-xà-quật. Sáng sớm hôm sau, Phú-lâu-na vội đến tham dự. Lúc ấy cuộc kết tập đã gần xong, Đại Ca-diếp thấy Phú-lâu-na đến rất vui mừng nói:

- Tôn giả! Ngài đến rất đúng lúc. Chúng tôi kết tập giáo pháp của Phật gần xong, đang chờ ý kiến của Ngài.

Phú-lâu-na lắng nghe tỉ mỉ phần kết tập và đáp:

- Thưa chư tôn giả! Các vị kết tập giáo pháp như thế này khiến mọi người cảm phục! Về nội dung toàn bộ tôi không có bàn bạc gì thêm. Nhưng về phần Luật tạng, liên hệ

đến tám pháp ẩm thực đều dẫn ra để cấm ngăn, tôi khó mà đồng ý, vì điều ấy trái với bản ý của Phật.

Hiện tại các vị cấm tám việc như: Chứa thức ăn trong phòng, nấu nướng trong tự viện, tự nấu, tự lấy thức ăn, từ chỗ khác đem thức ăn về, ăn các thứ trái cây, ăn những vật thực sản xuất từ hồ ao. Cấm tám điều ấy thật là rất bất tiện cho các nhà tu trong Tăng đoàn. Gặp lúc lúa bắp khan hiếm, gặp thời đói khổ, khi đi xin không được thức ăn, Phật đều cho phép tám việc trên.

Ngài Đại Ca-diếp là vị trưởng lão oai quyền trong chúng, từ trước chưa ai dám đưa ra ý kiến khác biệt với Ngài, tuy trong tâm họ cũng có đôi chút không vui nhưng ngoài mặt vẫn mặc nhiên. Phú-lâu-na cũng là vị trưởng lão cao đức nên mới đưa ra điều này. Đại Ca-diếp nghe xong, nghiêm túc đáp rằng:

- Điều đó đúng, đức Thế Tôn cho phép làm tám việc ấy, nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt mới hứa khả thôi.

Cả hai Tôn giả đều biện luận cho ý mình, rốt cuộc không giải quyết được là nên cấm hay không nên cấm. Cuối cùng Phú-lâu-na nhượng bộ nói:

- Đã không có biện pháp khác, thì từ đây tôi chỉ giữ y theo những điều tự thân nghe Phật nói, theo sự lãnh ngộ của tôi.

Phú-lâu-na nói xong, lại lên đường tiếp tục hành trình hoàng pháp.

Phú-lâu-na nhập Niết-bàn lúc nào, và ở đâu ? Chuyện đó không có tài liệu khảo cứu, chúng ta chỉ biết rằng, sau khi

Phật nhập diệt Phú-lâu-na vẫn nhiệt tâm đi giáo hóa khắp nơi. Xem cuộc kháng nghị của Tôn giả với ngài Đại Ca-diếp, chúng ta thấy Đại Ca-diếp cố giữ đúng y pháp, còn Phú-lâu-na thì đứng về phương diện tự do.

Tôn giả Phú-lâu-na luôn luôn lưu tâm đến Phật pháp, luôn luôn vì đại chúng mưu cầu hạnh phúc. Ở thời ma cường pháp nhược này, chúng ta tìm đâu ra một tinh thần và nhiệt tình bố giáo như Tôn giả ?

